TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 12/6/2019
V/v *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Ngọc Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Thành Lam**

Bà Đặng Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hải Yến**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12A/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Trang Đ** - sinh năm 1994

Bị đơn: **Anh Lê Xuân Q** - sinh năm: 1994

Cùng địa chỉ: Số 55/2D, ấp T, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Đ có mặt, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2019, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trang Đ trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh Q quen biết, tìm hiểu và tự nguyện yêu thương nhau được khoảng sáu năm thì hai vợ chồng chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/10/2016. Đây là hôn nhân lần đầu của chị.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chị dọn về sống cùng với cha mẹ chồng. Trong quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh Q đi làm,

chị ở nhà chăm con, lúc mang thai chị lấy tiền để mua sắm đồ chuẩn bị sinh con thì anh Q và mẹ chồng chị nói là chị mang tiền về cho nhà ngoại. Trong quá trình mang thai cháu K thì chị có bị thủy đậu, anh Q và gia đình anh bỏ mặc chị, không quan tâm đến chị rồi gửi chị về nhà cha mẹ ruột để cha mẹ ruột chị chăm sóc. Từ đó chị cảm thấy anh Q không còn yêu thương chị, giữa vợ chồng không có sự chia sẻ, cảm thông. Nhiều lúc, anh Q ghen tuông vô cớ, nghi ngờ cháu K không phải là con mình khiến chị cảm thấy bản thân mình và con bị xúc phạm. Ngoài ra, anh Q còn dùng những lời lẽ thiếu văn hóa xúc phạm chị, chị đã nhiều lần góp ý nhưng anh vẫn không thay đổi.

Trong suốt quá trình mang thai, chưa khi nào chị cảm nhận được sự yêu thương, chăm sóc từ chồng mình, chị thấy anh Q là một người chồng, người cha vô trách nhiệm, gia trưởng. Nhiều lúc giữa chị và mẹ chồng xảy ra xích mích, anh Q không nghe lời chị giải thích mà luôn đứng về phía mẹ chồng để chửi bới chị. Sau khi sinh cháu K được khoảng hai tuần thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh Q đánh chị mặc dù chị mới sinh, rồi đuổi chị ra khỏi nhà, không cho chị mang con đi. Sau đó, chị phải ra Công an xã G trình báo nhờ Công an xã can thiệp rồi chị lại về nhà anh Q sống. Sau đó hai tháng (tháng 11/2017), giữa vợ chồng lại xảy ra cãi vã, mẹ chồng đã đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã bồng con về nhà cha mẹ ruột tại ấp Y, xã G sinh sống từ đó đến nay. Sau sự việc trên, cha mẹ chị có đến gặp gia đình anh Q để nói chuyện nhưng anh Q và gia đình anh Q lại dùng những lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị khiến chị không chấp nhận được. Trong khoảng thời gian chị và con về nhà cha mẹ ruột chị sống, anh Q không liên lạc, không hỏi thăm.

Hiện nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mạnh ai người đó sống, không ai thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân Q.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là: Lê Nguyên K - sinh ngày: 15/9/2017.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Tại phiên tòa hôm nay, chị xin thay đổi ý kiến là chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tạm thời chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại chị đang may gia công tại nhà. Thu nhập bình quân mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Ngoài ra, chị còn được cha mẹ phụ giúp trong việc chăm sóc và nuôi dạy con.

Về tài sản: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

*** Theo bản tự khai, bị đơn anh Lê Xuân Q trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị Đ quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh dọn về chung sống cùng cha mẹ anh. Trong quá trình sống chung, chị Đ nhiều lần thiếu tôn trọng cha mẹ anh nên do bản thân không kiềm chế được, anh đã đánh chị Đ. Sau đó, chị Đ đã bồng con về nhà ngoại sinh sống đến nay. Từ khoảng một năm nay, hai vợ chồng anh không gặp nhau, bàn bạc vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình để cùng nhau chăm sóc con cái. Nay tình cảm của anh đối với chị Đ cũng không còn, do vậy chị Đ xin ly hôn, anh đồng ý nhưng vì anh theo đạo công giáo nên anh không được phép ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Q thừa nhận vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là: Lê Nguyên K - sinh ngày: 15/9/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị Đ.

Về tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao cho chị Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyên K - sinh ngày: 15/9/2017. Tạm thời chị Đ không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

* Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, anh Lê Xuân Q cư trú tại: Số 55/2D, ấp T, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

Anh Lê Xuân Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trang Đ và anh Lê Xuân Q tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đ, anh Q là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Đ, anh Q nhận thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Đ và anh Q chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Đ, anh Q tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay. Từ khi ly thân, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay tình cảm của chị Đ đối với anh Q đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu xin ly hôn với anh Q.

Anh Q cũng thừa nhận hai vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay. Do anh Q cũng không còn tình cảm với chị Đ nên anh Q không muốn tiếp tục mối quan hệ này và anh cũng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Đ.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Q là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hòa giải, hàn gắn đoàn tụ. Nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đ.

[2] Về nuôi con chung: Chị Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lê Nguyên K - sinh ngày: 15/9/2017. Từ lúc chị Đ và anh Q sống ly thân đến nay, cháu K do chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nhằm để ổn định cuộc sống của cháu, xét thấy cần để cháu K cho chị Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay, chị Đ không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Khi ly hôn, chị Đ và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 Điều 107; Điều 110 và Điều 116 Luật HNGĐ năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trang Đ và anh Lê Xuân Q.

- Về con chung: Giao con chung là Lê Nguyên K - sinh ngày: 15/9/2017 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q.

Anh Q được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết anh Q, chị Đ được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

- Về án phí: Chị Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001680 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp hợp lệ cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- VKS huyện TN;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Ngọc Thành